

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế đào tạo đại học theo Hệ thống tín chỉ**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22/10/2015 của Đại học Thái Nguyên về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 05/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Thông tư quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-ĐHTN ngày 22/4/2013 của Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ**” tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

**Điều 2:** Quy chế này được áp dụng tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp từ học kỳ I năm học 2018-2019, thay thế cho các Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường đã ban hành trước đây.

**Điều 3:** Các Ông (Bà) trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG** ✍  
  
PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**

---



**QUY CHẾ**  
**ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 460/QĐ-ĐHKTCN, ngày 31 tháng 8 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp)*

THÁI NGUYÊN, THÁNG 8 NĂM 2018



# MỤC LỤC

Chương I.....	1
<b>NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG .....</b>	<b>1</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	1
Điều 2. Sinh viên .....	1
Điều 3. Tín chỉ, hệ thống tín chỉ và học phí tín chỉ .....	1
Điều 4. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết .....	2
Điều 5. Học phần.....	3
Chương II .....	4
<b>TỔ CHỨC ĐÀO TẠO.....</b>	<b>4</b>
Điều 6. Đăng ký nhập học và sắp xếp ngành đào tạo .....	4
Điều 7. Lớp sinh viên, chủ nhiệm lớp và cố vấn học tập .....	4
Điều 8. Thời gian và kế hoạch đào tạo .....	4
Điều 9. Tổ chức lớp học phần và điều kiện mở lớp.....	5
Điều 10. Trách nhiệm của Nhà trường và sinh viên trong việc đăng ký học phần.....	6
Điều 11. Thời gian, phương thức đăng ký và số tín chỉ đăng ký.....	6
Điều 12. Đăng ký học lại, học tiếp và học cải thiện điểm .....	7
Điều 13. Rút bớt học phần đã đăng ký .....	7
Chương III .....	8
<b>ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP .....</b>	<b>8</b>
Điều 14. Đánh giá học phần và chuyển điểm học phần .....	8
Điều 15. Miễn thi, miễn học và chuyển điểm học phần .....	8
Điều 16. Tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần và chấm điểm. ....	10
Điều 17. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, xử lý điểm, điều kiện và số lần được dự thi .....	11
Điều 18. Cách tính điểm đánh giá điểm bộ phận, điểm học phần .....	13
Điều 19. Phúc tra và khiếu nại điểm.....	13
Điều 20. Đánh giá kết quả học tập.....	14
Điều 21. Tính điểm trung bình chung.....	14
Điều 22. Xếp hạng năm đào tạo và học lực.....	15
Điều 23. Cảnh báo kết quả học tập, tạm dừng tiến độ và buộc thôi học .....	15
Chương IV .....	16
<b>XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP .....</b>	<b>16</b>
Điều 24. Thực tập, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp .....	16
Điều 25. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp .....	17
Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp .....	17
Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển loại hình đào tạo.....	18

Chương V .....	19
NGHỈ HỌC TẠM THỜI, THÔI HỌC, PHÂN NGÀNH, CHUYÊN KHÓA, CHUYÊN TRƯỞNG, HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH .....	19
Điều 28. Nghỉ học tạm thời và cho thôi học.....	19
Điều 29. Phân chuyên ngành và chuyển ngành đào tạo .....	20
Điều 30. Học cùng lúc hai chương trình.....	20
Điều 31. Chuyển trường .....	21
Chương VI.....	21
XỬ LÝ VI PHẠM & ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	21
Điều 32. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên, cán bộ vi phạm các quy định về thi, kiểm tra .....	21
Điều 33. Phạm vi áp dụng và điều khoản thi hành .....	22



# Chương I

## NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học hệ chính quy, liên thông chính quy, văn bằng 2 chính quy (gọi chung là đào tạo đại học chính quy) theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên (sau đây có thể viết là Trường, Nhà trường, hoặc Trường ĐHKTCN), gồm: chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng cho các khoá đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHKTCN và các đơn vị, cá nhân liên quan.

### Điều 2. Sinh viên

1. Sinh viên của Trường ĐHKTCN là những người đã có quyết định trúng tuyển của các cấp có thẩm quyền vào Trường.

2. Sinh viên dự thính là sinh viên đang học ở trường đại học khác, cán bộ đang công tác tại các cơ quan, xí nghiệp, viện nghiên cứu... có nguyện vọng đăng ký học một số học phần. Để được nhập học, sinh viên dự thính phải nộp hồ sơ xin học theo mẫu của Nhà trường; có thể phải dự kiểm tra điều kiện đầu vào theo quy định của Nhà trường; phải thực hiện các nhiệm vụ học tập, đóng học phí như sinh viên chính quy nhưng chỉ được cấp chứng chỉ môn học, không được hưởng các chế độ của sinh viên.

### Điều 3. Tín chỉ, hệ thống tín chỉ và học phí tín chỉ

#### 1. Tín chỉ

Tín chỉ (TC) là đơn vị quy chuẩn dùng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một TC được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết (trong chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo, thường 1TC của học phần lý thuyết gồm 10 đến 12 tiết học lý thuyết + 3 đến 5 tiết dành cho các nội dung thảo luận, hướng dẫn bài tập, ôn tập và kiểm tra); 30 tiết thực hành, thí nghiệm; 60 tiết thực tập tại Trung tâm thực nghiệm, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp và thực tập tốt nghiệp.

- Một tiết học lý thuyết, thảo luận, thực hành, thí nghiệm được tính bằng 50 phút. Riêng đối với thực hành tay nghề hay thực tập, một tiết được tính bằng 60 phút.

- Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ, sinh viên phải dành trung bình 15-30 giờ để chuẩn bị và tự học.

#### 2. Hệ thống tín chỉ

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ là phương thức đào tạo trong đó sinh viên chủ động lựa chọn học từng học phần (tuân theo một số ràng buộc được quy định trước) nhằm tích lũy từng phần, tiến tới hoàn tất toàn bộ chương trình đào tạo và được cấp văn bằng tốt nghiệp.

Trên cơ sở lượng hóa quá trình đào tạo thông qua khái niệm tín chỉ, hệ thống tín chỉ tạo điều kiện tối đa để cá nhân hóa quá trình đào tạo, trao quyền cho sinh viên trong việc đăng ký sắp xếp lịch học, tích lũy các học phần, sắp xếp thời gian học ở trường, thời gian



tốt nghiệp, ra trường. Về phần mình, sinh viên có trách nhiệm phát huy tính tích cực, chủ động để thích ứng với quy trình đào tạo này và để đạt những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

### 3. Học phí tín chỉ

Học phí tín chỉ là đơn vị dùng để lượng hóa chi phí của các hoạt động giảng dạy, học tập tính cho từng học phần. Học phí sinh viên phải đóng trong mỗi học kỳ được xác định căn cứ theo số học phần mà sinh viên đăng ký và được chấp nhận, bằng tổng số học phí tín chỉ của từng học phần. Học phí tín chỉ của mỗi học phần bằng số tín chỉ học phí quy định cho học phần đó nhân với mức tiền học phí/1 tín chỉ học phí của học phần. Mức tiền học phí/ 1 tín chỉ học phí của từng học phần do Hiệu trưởng quy định theo từng học kỳ dựa trên các quy định hiện hành của Nhà nước.

## **Điều 4. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết**

1. Chương trình đào tạo (CTĐT) thể hiện rõ: đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; chuẩn đầu ra của CTĐT; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện CTĐT.

Mỗi CTĐT được gắn với một chuyên ngành, một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành; kiểu hai văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

a) Khối kiến thức giáo dục đại cương (gồm các học phần thuộc các lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học nhân văn, khoa học tự nhiên) nhằm trang bị cho người học nền học vấn rộng, có thể giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn, hiểu biết về tự nhiên, xã hội và con người, nắm vững phương pháp tư duy khoa học, biết trân trọng các di sản văn hoá của dân tộc và nhân loại, có đạo đức, nhận thức trách nhiệm công dân, có năng lực xây dựng và bảo vệ đất nước.

b) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được chia thành 2 nhóm: nhóm kiến thức cơ sở (kiến thức cơ sở của ngành hoặc liên ngành) và nhóm kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết.

2. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số TC; phân bổ thời lượng lý thuyết, thực hành, thí nghiệm; mô tả tóm tắt nội dung học phần; các học phần tiên quyết, học phần song hành, học phần học trước (theo đúng tiến trình đào tạo của chương trình); mục tiêu học phần; chuẩn đầu ra: chuẩn kiến thức, kỹ năng; các nội dung chính; nội dung đánh giá, cách thức đánh giá học phần và mức độ năng lực yêu cầu (nhằm đạt được và đánh giá được mức độ hoàn thành theo chuẩn đầu ra); giáo trình, tài liệu tham khảo cho sinh viên. Đề cương chi tiết các học phần do Trưởng Khoa phê duyệt trên cơ sở kết luận của Hội đồng Khoa, công bố cùng CTĐT và được giảng viên giới thiệu cho sinh viên ngay trong buổi học đầu tiên của học phần.

Tổng số tín chỉ quy định cho mỗi chương trình hệ đại học:

- Đối với khối ngành kỹ thuật, từ 150 đến 180 tín chỉ;
- Đối với khối ngành công nghệ, kinh tế và ngôn ngữ Anh, từ 120 đến 150 tín chỉ.
- Đối với các chương trình khác: theo đề án riêng.



3. Việc xây dựng CTĐT; chỉnh sửa, bổ sung CTĐT định kỳ hoặc bất thường phải được thực hiện theo Quy chế hiện hành của Trường và được Hiệu trưởng ký ban hành để triển khai thực hiện.

## **Điều 5. Học phần**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn các học phần có khối lượng từ 1 đến 4 tín chỉ, trừ một số học phần đặc biệt như thực tập, khóa luận, đồ án tốt nghiệp có thể có khối lượng lớn hơn. Nội dung của một học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Mỗi học phần đều có mã số riêng thống nhất trong toàn trường và có thể được sử dụng trong nhiều CTĐT với cùng khối lượng và nội dung.

2. Các loại học phần:

a) Học phần bắt buộc là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy có nội dung chứa đựng những kiến thức chính yếu của mỗi CTĐT.

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Nhà trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn.

c) Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc CTĐT của một khóa, ngành khác đang tổ chức đào tạo tại Trường hoặc tại một đơn vị khác trong và ngoài Đại học Thái Nguyên được phép tích lũy để thay cho một học phần hay một nhóm học phần trong CTĐT.

d) Học phần thay thế được sử dụng khi một học phần có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa; hoặc chưa đủ điều kiện tổ chức giảng dạy (do quá ít sinh viên; nhà trường không thể bố trí được trang thiết bị hoặc giảng viên). Học phần sẽ được thay thế bằng một học phần khác đang được tổ chức hoặc có thể tổ chức giảng dạy. *Các học phần hay nhóm học phần tương đương hoặc thay thế do bộ phận hoặc đơn vị quản lý chuyên môn đề xuất, Hiệu trưởng phê duyệt trước khi bổ sung cho CTĐT trong quá trình tổ chức đào tạo. Những học phần này được áp dụng cho tất cả các khóa, các ngành hoặc chỉ được áp dụng hạn chế cho một số khóa, ngành.*

c) Học phần tiên quyết: Học phần A là học phần tiên quyết của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký học và thi đạt học phần A.

d) Học phần học trước: Học phần A là học phần học trước của học phần B, khi sinh viên muốn đăng ký học học phần B thì phải đăng ký và học xong học phần A.

e) Học phần song hành: Các học phần song hành với học phần A là những học phần mà sinh viên phải theo học trước hoặc học đồng thời với học phần A.

f) Học phần đặc biệt: Các học phần đặc biệt là các học phần không tính tích lũy tín chỉ nhưng sinh viên phải học và được cấp chứng chỉ mới đủ điều kiện tốt nghiệp bao gồm: học phần giáo dục quốc phòng, học phần giáo dục thể chất, học phần thí điểm.

g) Học phần đặc thù: Các học phần chủ yếu mang tính chất tích lũy năng lực và kỹ năng, hình thức đánh giá và cách tính điểm tổng kết đối với các học phần này có thể được áp dụng riêng. Các học phần đặc thù do Hội đồng khoa đề nghị, Nhà trường xem xét và quyết định.



## Chương II

### TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

#### **Điều 6. Đăng ký nhập học và sắp xếp ngành đào tạo**

1. Căn cứ vào quy chế tuyển sinh hiện hành và phương án tuyển sinh của Nhà trường ở từng năm, Hội đồng tuyển sinh Trường công bố ngành đào tạo (hoặc nhóm ngành) của sinh viên trúng tuyển vào Trường.

2. Đối với trường hợp tuyển sinh theo nhóm ngành đào tạo trong kỳ thi tuyển sinh, đầu khoá học Nhà trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chuyên ngành đào tạo hoặc từng ngành đào tạo (CNĐT). Căn cứ vào đăng ký chọn CNĐT, điểm thi tuyển sinh và kết quả học tập, Nhà trường sắp xếp sinh viên vào các CNĐT. Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn CNĐT theo thứ tự ưu tiên. Hiệu trưởng quy định số lượng và tiêu chí cụ thể đối với từng CNĐT để sinh viên đăng ký.

3. Khi nhập học, sinh viên phải nộp cho Nhà trường đầy đủ những giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành và được Hội đồng tuyển sinh thông báo chi tiết trong giấy báo nhập học.

4. Sau khi nhập học, sinh viên được Nhà trường cấp thẻ sinh viên, cung cấp thông tin về CNĐT, nội dung và kế hoạch học tập toàn khoá học, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học.

#### **Điều 7. Lớp sinh viên, chủ nhiệm lớp và cố vấn học tập**

1. Lớp sinh viên tổ chức theo khoá học của CNĐT. Lớp sinh viên duy trì trong cả khoá đào tạo, có tên riêng, có lớp trưởng, hệ thống đoàn, hội sinh viên. Mỗi lớp sinh viên có một chủ nhiệm.

2. Chủ nhiệm lớp có thể kiêm vai trò cố vấn học tập cho sinh viên; vai trò và trách nhiệm của chủ nhiệm lớp được quy định trong Quy chế công tác sinh viên của Trường.

3. Ban chủ nhiệm khoa phân công giảng viên có kinh nghiệm đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập cho 1 lớp sinh viên hoặc cả khoá sinh viên. Vai trò và trách nhiệm của cố vấn học tập được quy định trong Quy chế công tác sinh viên của Trường.

#### **Điều 8. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Nhà trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ

a) Khoá học là khoảng thời gian chuẩn được thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT, cụ thể:

- 4,5 năm cho khối ngành kỹ thuật (5 năm đối với riêng các khóa tuyển sinh từ năm 2015 trở về trước); 4 năm cho khối ngành công nghệ, kinh tế công nghiệp và ngôn ngữ Anh cho những người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

- 2 năm cho khối ngành kỹ thuật và công nghệ; 1,5 năm cho khối ngành kinh tế công nghiệp đối với những người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

b) Một năm học gồm hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 20 tuần, trong đó thường dành 15 tuần cho các hoạt động giảng dạy, học tập, kiểm tra và 3 đến 5 tuần thi kết thúc học phần.



Ngoài hai học kỳ chính, Nhà trường tổ chức học kỳ phụ (học kỳ hè) nhằm tạo thêm cơ hội học tập cho sinh viên học lại, học cải thiện. Sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện trong học kỳ phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không được miễn giảm học phí theo quy định như ở học kỳ chính.

Thời gian biểu tiến hành các hoạt động học tập giảng dạy và lịch tổ chức đánh giá trong mỗi học kỳ kể cả các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết được quy định trong kế hoạch học tập chung do Hiệu trưởng ban hành hàng năm.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các CTĐT, Phòng Đào tạo tư vấn và Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh dự kiến phân bổ số học phần cụ thể cho từng năm học và học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT cụ thể: 2 lần thời gian thiết kế cho chương trình quy định trong Khoản 1 của Điều này.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên (ưu tiên 1 và 2) theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình, trừ khi thuộc diện bị buộc thôi học.

### **Điều 9. Tổ chức lớp học phần và điều kiện mở lớp**

Lớp học phần được tổ chức dựa trên thời gian thiết kế của từng CTĐT theo kỳ và kết quả đăng ký học tập của sinh viên. Mỗi lớp học phần có thời khoá biểu, lịch thi, mã số riêng; có một lớp trưởng, lớp phó do giảng viên phụ trách học phần chỉ định.

Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học phần cần tổ chức, cơ sở vật chất và giảng viên của Nhà trường, Phòng Đào tạo sắp xếp thời khoá biểu học tập, lịch thi kết thúc học phần cho phù hợp.

- Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ đối với các học phần lý thuyết là: 40 sinh viên đăng ký trong học kỳ chính và 30 sinh viên đăng ký trong học kỳ phụ cho đa số các lớp học phần mở trong học kỳ.

- Số lượng tối thiểu để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ đối với các học phần thực hành, thí nghiệm và thực tập tối thiểu 10 sinh viên đăng ký cho đa số các học phần.

Nếu số lượng sinh viên đăng ký ít hơn quy định nói trên, lớp học phần sẽ bị hủy và sinh viên phải đăng ký chuyển sang các lớp học phần khác cho đủ khối lượng học tập tối thiểu quy định của học kỳ. Trong các trường hợp đặc biệt, đơn vị quản lý chuyên môn có thể đề nghị để Nhà trường sẽ xem xét và quyết định.

- Đối với sinh viên khóa cuối, nếu không có các học phần thay thế được mở hoặc số sinh viên đăng ký lớp học phần không đủ sĩ số để mở lớp, có thể đăng ký nguyện vọng xin mở lớp riêng. Mức học phí cho các học phần này sẽ tính theo mức phí của các học phần bổ sung trong Quy định về mức học phí của Trường.



## **Điều 10. Trách nhiệm của Nhà trường và sinh viên trong việc đăng ký học phần**

### **1. Trách nhiệm của Nhà trường**

Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo công khai kế hoạch học tập dự kiến cho từng CTĐT trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, liệt kê các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ tổ chức.

Đầu mỗi học kỳ (thường là trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần), Nhà trường thông báo cho sinh viên kế hoạch đăng ký học phần, những học phần sẽ giảng dạy trong học kỳ và thời khóa biểu của từng học phần tương ứng.

### **2. Trách nhiệm Cố vấn học tập**

Tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong việc xây dựng kế hoạch học tập, đăng ký học phần (ĐKHP) theo đúng quy định của Nhà trường.

### **3. Trách nhiệm của sinh viên**

Tất cả sinh viên phải thực hiện đăng ký học phần theo kế hoạch của Nhà trường trước khi học kỳ mới bắt đầu.

Tùy theo khả năng và điều kiện học tập của cá nhân, sinh viên nên tham khảo cố vấn học tập về các học phần dự định sẽ đăng ký trong học kỳ để được tư vấn và hỗ trợ đăng ký.

Sinh viên chịu trách nhiệm về việc bảo mật tài khoản đăng ký, kết quả đăng ký của cá nhân; phải chủ động in thời khóa biểu để tham gia học tập ngay từ đầu học kỳ.

## **Điều 11. Thời gian, phương thức đăng ký và số tín chỉ đăng ký**

### **1. Thời gian**

Trước mỗi học kỳ chính từ 1 đến 2 tuần, trước học kỳ phụ (kỳ hè) 1 tuần.

### **2. Phương thức đăng ký**

- Thực hiện ĐKHP theo kế hoạch của Nhà trường (có thông báo và hướng dẫn cụ thể khi thực hiện).

- Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập quy định cho từng CTĐT cụ thể.

### **3. Số tín chỉ đăng ký**

Khối lượng học tập tối thiểu và tối đa mà mỗi sinh viên phải đăng ký học trong mỗi học kỳ chính được quy định như sau:

a) Tối thiểu 14 tín chỉ đối với những sinh viên xếp hạng học lực bình thường; tối thiểu 9 tín chỉ đối với những sinh viên xếp hạng học lực yếu;

b) Sinh viên thuộc diện Cảnh báo kết quả học tập, số tín chỉ đăng ký được quy định trong Khoản 3, Điều 23 của Quy định này;

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên xếp hạng sinh viên năm thứ cuối (thuộc diện đi Thực tập tốt nghiệp và làm đề án tốt nghiệp) và sinh viên đăng ký ở học kỳ phụ.



## **Điều 12. Đăng ký học lại, học tiếp và học cải thiện điểm**

a). Sinh viên có điểm học phần (theo thang điểm hệ 4) của học phần bắt buộc là F thì phải đăng ký học lại học phần đó hoặc thi lại (nếu có) cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D. Đối với những học phần đang còn tổ chức đào tạo sinh viên bắt buộc phải đăng ký học lại những học phần đó, chỉ những học phần không còn tổ chức đào tạo nữa sinh viên mới có thể đăng ký học các học phần thay thế.

b). Sinh viên có điểm học phần của học phần tự chọn là F có thể đăng ký học lại học phần đó hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

c). Sinh viên làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp mà không hoàn thành trong học kỳ có thể đăng ký làm tiếp ở học kỳ tiếp theo (nếu được giảng viên hướng dẫn đồng ý).

d). Sinh viên có điểm học phần đạt D được phép đăng ký học cải thiện điểm hoặc đăng ký thi cải thiện điểm (nếu có). Phụ thuộc vào khả năng đáp ứng của Nhà trường, sinh viên có điểm học phần đạt C có thể được đăng ký học cải thiện điểm hoặc đăng ký thi cải thiện điểm (nếu có).

e). Sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện điểm phải nộp học phí theo quy định của Trường.

f). Sinh viên đăng ký học tiếp, hoặc thi lại học phần nào (nếu có) phải nộp thêm 50% học phí hoặc lệ phí tương ứng của học phần đó.

## **Điều 13. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút học phần giúp sinh viên cải thiện được kết quả học tập.

2. Thời gian

a) Trong 2 tuần đầu học kỳ chính hoặc trong 1 tuần của học kỳ phụ (kỳ hè) theo thông báo của Nhà trường.

b) Trước khi thi kết thúc học kỳ khoảng 2 đến 3 tuần theo thông báo của Nhà trường.

3. Phương thức: thực hiện trực tuyến tại địa chỉ <http://dkmh.tnut.edu.vn> hoặc làm đơn gửi Phòng Đào tạo thông qua Văn phòng Khoa.

4. Khi rút học phần, sinh viên phải cân đối tổng số tín chỉ tích lũy phù hợp với xếp hạng sinh viên năm thứ, điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để tránh bị cảnh báo học tập.

5. Nếu rút học phần trong thời gian quy định bởi Khoản 2, Mục a của Điều này, sinh viên không phải nộp học phí của học phần đã rút; nếu rút học phần trong thời gian quy định bởi Khoản 2, Mục b của Điều này, sinh viên sẽ nhận điểm Z, không tính điểm nhưng vẫn phải nộp học phí học phần đó; nếu sinh viên không rút học phần quy định trong Khoản 2 của Điều này mà tự ý bỏ học sẽ phải nhận điểm 0 và vẫn phải nộp học phí các học phần đó.

6. Chỉ sau khi có xác nhận của Phòng Đào tạo do giảng viên phụ trách lớp học phần thông báo, hoặc thông tin xác nhận trên trang đăng ký học (tại <http://dkmh.tnut.edu.vn>) sinh viên mới được phép dừng học trên lớp đối với các học phần xin rút.



### Chương III

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

#### **Điều 14. Đánh giá học phần và chuyển điểm học phần**

1. Đối với học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

a) Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào điểm quá trình, gồm một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận: điểm kiểm tra quá trình; điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm bài tập, nhiệm vụ về nhà; điểm đánh giá phần thực hành; điểm tiểu luận, và điểm thi kết thúc học phần. Trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số là 60%.

b) Mỗi học phần lý thuyết phải đảm bảo 1-2 điểm kiểm tra quá trình và 1 điểm tổng hợp cho các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm bài tập, nhiệm vụ về nhà. Số lượng bài kiểm tra ngắn (15 phút) và số lượng bài tập nộp do bộ môn quyết định theo đề cương chi tiết của mỗi học phần đã được Hội đồng khoa thông qua và được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

c) Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

2. Đối với học phần tiểu luận, đồ án môn học và đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp (gọi tắt là đồ án), điểm học phần là điểm chấm hoặc điểm bảo vệ báo cáo tiểu luận, đồ án.

3. Đối với học phần thí nghiệm, thực hành, thực tập, điểm học phần là điểm chấm hoặc điểm bảo vệ báo cáo thí nghiệm, bài tập thực hành, thực tập.

#### **Điều 15. Miễn thi, miễn học và chuyển điểm học phần**

##### **1. Miễn thi và thưởng điểm:**

*Các trường hợp được xét miễn thi và thưởng điểm:*

- Sinh viên đạt thành tích xuất sắc hoặc đặc biệt trong quá trình học (theo tiêu chí do Khoa công bố vào đầu học kỳ);

- Sinh viên đạt giải (từ khuyến khích trở lên) trong các kỳ thi Olympic cấp quốc gia; là thành viên dự thi Olympic quốc tế; đạt kết quả xuất sắc trong các cuộc thi chuyên đề cấp trường; có báo cáo khoa học ở cấp Đại học, cấp quốc gia;

- Sinh viên đạt thành tích trong các kỳ thi, sân chơi khoa học, công nghệ, kỹ thuật, thể dục thể thao cấp trường, cấp Quốc gia; Sinh viên có thành tích trong hoạt động hỗ trợ, dẫn dắt các nhóm sinh viên trong học tập đạt kết quả tốt được giảng viên phụ trách lớp học phần ghi nhận.

*Tổ chức xét miễn thi và thưởng điểm:*

Các Khoa tổ chức xét miễn thi và ghi điểm thưởng vào tổng kết cho môn học có liên quan trực tiếp đến các trường hợp được miễn thi, thưởng điểm nêu trên (với sự đồng ý của giảng viên giảng dạy lớp học phần) và chuyển cho Nhà trường xem xét, quyết



định. Nếu học phần đã thi và đã có điểm thì điểm thường được cộng vào điểm tổng kết học phần hoặc ghi vào mục điểm chuyển/bảo lưu.

## **2. Miễn học và chuyển điểm:**

Các trường hợp được xét miễn học và chuyển điểm:

a) Đã có điểm đạt môn học (hoặc môn tương đương) ở cùng bậc, hệ đào tạo trong khóa học đã được cấp bằng tại Trường ĐHKTCN.

b) Đã có điểm đạt môn học (hoặc môn tương đương) ở cùng bậc, hệ đào tạo trong khóa học trước đó tại trường ĐHKTCN khi được chuyển từ hệ chính quy sang hệ vừa làm vừa học (VLVH). Thời hạn xét miễn bằng thời gian đào tạo tối đa của chương trình VLVH tính từ thời điểm nhập học chính quy đến thời điểm xét.

c) Đã đạt kết quả cao trong kỳ kiểm tra ngoại ngữ khi nhập học (nếu có) hoặc có các chứng chỉ ngoại ngữ đạt yêu cầu: được xét chuyển điểm cho các môn ngoại ngữ theo các quy định riêng của Trường.

d) Sinh viên tham gia học tập và có bảng điểm hợp lệ tại các cơ sở đào tạo (trường đại học, cao đẳng, học viện) khác trong và ngoài nước, được sự đồng ý của Nhà trường thì được xem xét công nhận điểm cho các học phần trong CTĐT.

e) Điểm thi lại của các học phần đặc thù (quy định theo Mục g, Khoản 2, Điều 5) được chuyển điểm.

*Tổ chức xét miễn học và chuyển điểm:*

- Trường phòng đào tạo xét miễn học và chuyển điểm vào điểm tổng kết cho môn học có liên quan trực tiếp đến các trường hợp được miễn học và chuyển điểm nêu trên. Các trường hợp đặc biệt cần tham khảo ý kiến của các Khoa, Bộ môn chuyên môn trước khi ra quyết định.

- Riêng trường hợp (d), Hội đồng khoa và trưởng các khoa có liên quan (nếu có) xem xét các học phần được quy đổi, trình Nhà trường xem xét quyết định;

## **3. Miễn học và ghi điểm miễn:**

*Các trường hợp được xét miễn học và ghi điểm miễn:*

- Đã đạt chứng chỉ hoặc đã hoàn tất các học phần Chính trị, Giáo dục quốc phòng (GDQP), Giáo dục thể chất (GDTC).

- Đã có điểm đạt môn học được Trường ĐHKTCN xác định là môn thay thế trên cơ sở xem xét hai CTĐT của hai trường ở cùng bậc, hệ đào tạo tại các trường khác (áp dụng riêng cho hệ đại học bằng 2).

- Đã có điểm đạt môn học được Trường ĐHKTCN xác định các môn thay thế trên cơ sở xem xét hai CTĐT của bậc cao đẳng và CTĐT của Trường ĐHKTCN (áp dụng riêng cho hệ đại học liên thông).

*Tổ chức xét miễn học và chuyển điểm:*

Hội đồng khoa và Trưởng các Khoa có liên quan (nếu có) xác định các học phần được miễn học và ghi điểm miễn, trình Nhà trường xem xét quyết định.

Tổng số tín chỉ được xét miễn không quá 20% tổng số tín chỉ của CTĐT.



#### **4. Công nhận tín chỉ tích lũy và miễn học**

- Nhà trường có thể xem xét công nhận sinh viên đã tích lũy và cho phép sinh viên miễn học một số tín chỉ thuộc CTĐT trình độ đại học, đối với các trường hợp: sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học; sinh viên học văn bằng 2; sinh viên từ trường khác chuyển về Trường; sinh viên của Trường đến học tại trường khác theo các chương trình hợp tác, liên kết đào tạo của Nhà trường.

- Kết quả xét đối với các trường hợp nêu ở Khoản 1, Điều này căn cứ vào sự so sánh kết quả học tập của sinh viên ở trình độ cao đẳng với CTĐT hiện hành của Nhà trường; của sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học văn bằng thứ nhất với CTĐT hiện hành của Trường khi sinh viên muốn học để có bằng thứ hai; ở trường sinh viên xin chuyển đi với CTĐT hiện hành của Nhà trường; các học phần ở trường sinh viên đến học với CTĐT hiện hành của Nhà Trường.

- Để được xét công nhận tín chỉ, tính từ ngày kết thúc khóa học (theo thiết kế của CTĐT sinh viên đã học) đến ngày xét công nhận tín chỉ, phải không quá 7 năm đối với các học phần thuộc khối kiến thức đại cương và không quá 5 năm đối với các học phần thuộc khối kiến thức chuyên nghiệp.

- Nếu tham gia CTĐT hợp tác với Nước ngoài và làm đồ án tốt nghiệp tại Nước ngoài thì tùy theo đặc điểm chương trình hợp tác, sinh viên có thể được xét không phải bảo vệ ở hội đồng tại Trường. Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch trước khi thực hiện.

- Đối với sinh viên thôi học theo nguyện vọng hoặc bị buộc thôi học, nếu thi lại và trúng tuyển vào Trường thì phải học lại tất cả các học phần thuộc CTĐT trúng tuyển, trừ các chứng chỉ đã được cấp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 16. Tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần và chấm điểm.**

1. Mỗi học kỳ chính Nhà trường tổ chức 2 lần kiểm tra quá trình, 1 lần kiểm tra đối với học kỳ phụ. Kế hoạch kiểm tra quá trình được lập ngay đầu mỗi học kỳ, các Khoa tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra.

2. Giảng viên phụ trách lớp học phần (dạy lý thuyết) ra đề, bố trí kiểm tra thường xuyên vào các tiết học trong thời khóa biểu theo kế hoạch đề ra trong đề cương chi tiết của học phần.

3. Bài tập, nhiệm vụ nộp đều phải được chấm điểm, chữa và trả lại cho sinh viên. Khuyến khích giảng viên ra bài tập, nhiệm vụ về nhà trực tiếp từ sách tiếng Anh.

4. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức 1 kỳ thi kết thúc học phần và thi lại (nếu có). Phòng Đào tạo lập kế hoạch thi kết thúc học phần vào cuối mỗi học kỳ, các Khoa tổ chức triển khai kế hoạch thi.

5. Thời gian dành cho ôn thi kết thúc học phần là 1 ngày cho 1 tín chỉ (tính cả thứ 7 và chủ nhật).

6. Bộ môn tự lập kế hoạch và tổ chức bảo vệ bài tập lớn, tiểu luận; tổ chức bảo vệ lần 2 cho những sinh viên có lý do chính đáng, được Bộ môn cho phép vắng ở lần 1.



## **Điều 17. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, xử lý điểm, điều kiện và số lần được dự thi**

1. Đề thi kết thúc học phần và kiểm tra quá trình, kiểm tra thường xuyên phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi kết thúc học phần chủ yếu được lấy trực tiếp từ ngân hàng câu hỏi thi hoặc trên cơ sở ngân hàng câu hỏi thi. Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm về việc xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi, ra đề thi riêng (nếu có) và làm đáp án. Phòng KT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm tổ chức bốc thăm, nhân sao đề thi.

2. Đề thi đánh giá học phần là đề thi riêng của các học phần đặc thù mang tính chất tích lũy năng lực và kỹ năng (do Hội đồng Khoa đề nghị, Nhà trường xem xét và quyết định), dành cho các kỳ thi lại được Nhà trường tổ chức. Đề thi phải đảm bảo đánh giá toàn diện theo chuẩn đầu ra của học phần về kiến thức, kỹ năng. Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức ra đề thi đánh giá học phần.

3. Hình thức kiểm tra quá trình, kiểm tra thường xuyên (gọi tắt là kiểm tra) và thi kết thúc học phần (gọi tắt là thi):

- Hình thức kiểm tra là viết (trắc nghiệm hoặc tự luận) hoặc vấn đáp và làm bài tập lớn;

- Hình thức thi có thể là thi viết, vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Trong trường hợp có sự thay đổi hình thức thi phải có sự đồng ý của Hiệu trưởng. Mỗi học phần chỉ có một bài thi kết thúc học phần.

### **4. Chấm bài kiểm tra và thi kết thúc học phần**

#### **a) Các học phần chỉ có lý thuyết**

Giảng viên giảng dạy lớp học phần tự chấm, tổng hợp điểm các bài kiểm tra và nộp phiếu điểm quá trình cho bộ môn trước khi bước vào kỳ thi kết thúc học phần. Phiếu điểm quá trình được lưu tại Văn phòng bộ môn. Bài kiểm tra sau khi chấm, chữa, vào điểm phải trả cho sinh viên.

Trưởng bộ môn có trách nhiệm phân công giảng viên chấm bài thi kết thúc học phần theo Quy chế thi. Việc chấm thi kết thúc học phần phải do ít nhất hai giảng viên đảm nhiệm.

Chấm thi viết kết thúc học phần được thực hiện tại phòng làm việc của giảng viên. Phiếu điểm gốc phải có đầy đủ họ tên và chữ ký của hai giảng viên thuộc bộ môn giảng dạy học phần, Trưởng bộ môn ký và lưu tại Văn phòng bộ môn. Bài thi viết kết thúc học phần được lưu giữ tại Bộ môn ít nhất 2 năm.

Chấm thi vấn đáp phải được thực hiện tại giảng đường theo lịch của Nhà trường. Điểm thi vấn đáp phải công bố ngay sau mỗi buổi thi tại giảng đường, khi hai giảng viên chấm thi thống nhất được điểm chấm. Trong trường hợp không thống nhất thì các giảng viên chấm thi trình Trưởng bộ môn quyết định.

Thi trắc nghiệm trên máy tính: có quy định riêng.



b) Các học phần chỉ có thí nghiệm, thực hành

Việc đánh giá các học phần thí nghiệm, thực hành được thực hiện tại phòng thí nghiệm các Khoa, Xưởng thực hành tại Trung tâm thực nghiệm hay các Phòng thí nghiệm của cơ sở liên kết đào tạo sau khi sinh viên tham gia đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành và nộp báo cáo. Điểm học phần là điểm trung bình chung của các điểm đánh giá bộ phận có trọng số quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

c) Các học phần có cả điểm lý thuyết và điểm thực hành

Kiểm tra và thi kết thúc học phần thực hiện như các học phần chỉ có lý thuyết. Phần thực hành được coi là điểm quá trình của học phần.

Bộ môn có trách nhiệm vào điểm trung bình đánh giá bộ phận, điểm thi kết thúc học phần của từng lớp học phần theo phiếu điểm gốc. Bộ môn phối hợp với Khoa để tổng hợp điểm nộp cho Phòng Đào tạo theo kế hoạch. Điểm học phần của sinh viên phải được công bố công khai tại Bộ môn.

5. Điều kiện dự thi, số lần thi

a) Sinh viên chỉ được dự thi kết thúc học phần nếu thực hiện đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Theo yêu cầu của giảng viên phụ trách học phần:

○ Tham dự đủ thời gian lên lớp theo yêu cầu tối thiểu (80% số buổi học) và các yêu cầu khác của học phần (đối với học phần lý thuyết).

○ Tham dự đủ các giờ thí nghiệm/ thực hành theo yêu cầu tối thiểu của học phần và đạt yêu cầu đối với báo cáo thí nghiệm/thực hành (đối với học phần có thí nghiệm/thực hành).

○ Giảng viên phụ trách học phần quyết định danh sách sinh viên được dự thi kết thúc học phần. Giảng viên gửi danh sách những sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần cho bộ môn và khoa quản lý trước buổi thi ít nhất 03 ngày để ghi cấm thi trong danh sách thi do bộ môn quản lý.

- Hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí: Căn cứ danh sách từ phòng Kế hoạch tài chính, Phòng đào tạo lập danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần gửi các đơn vị chuyên môn để tổ chức thi.

**- Các trường hợp đặc biệt, giao Trưởng Phòng Đào tạo giải quyết và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng.**

b) Số lần thi:

- Mỗi học phần chỉ tổ chức thi một lần trong học kỳ. Đối với một số học phần đặc thù, sinh viên có thể đăng ký thi lại để cải thiện điểm hoặc đạt điểm tích lũy. Dựa trên kết quả đăng ký thi lại của sinh viên, Phòng Đào tạo lập kế hoạch thi lại, các Khoa chuyên môn tổ chức thực hiện.

- Sinh viên vắng thi kết thúc học phần nếu không được phép, coi như đã thi và phải nhận điểm 0 (theo thang điểm 10). Sinh viên vắng thi kết thúc học phần nếu được Trưởng phòng Đào tạo cho phép sẽ được dự thi vào đợt thi kế tiếp.



## Điều 18. Cách tính điểm đánh giá điểm bộ phận, điểm học phần

a) Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm hệ 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với hệ số tương ứng. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, xếp loại và quy đổi sang thang điểm hệ 4 quy định trong *Bảng 1*. Riêng đối với Trung tâm Thực nghiệm, để đảm bảo kiến thức thực tế và kỹ năng nghề nghiệp, sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài thực hành, thực tập và đạt điểm từ 4 trở lên đối với tất cả các ban nghề, những ban nghề nào đạt điểm < 4 thì sinh viên phải thực tập lại các ban nghề đó.

*Bảng 1. Xếp loại và quy đổi điểm từ thang điểm hệ 10 sang thang điểm hệ 4*

Xếp loại		Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt (Tích lũy)	Giỏi	8,5 ÷ 10	A	4,0
	Khá	7,0 ÷ 8,4	B	3,0
	Trung bình	5,5 ÷ 6,9	C	2,0
	Trung bình yếu	4,0 ÷ 5,4	D	1,0
Không đạt	Kém	Dưới 4,0	F	0,0

c) Đối với những học phần có điểm đặc biệt hoặc chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu ở *Bảng 2*.

*Bảng 2. Những điểm đặc biệt trong tính điểm*

Ý nghĩa - tên điểm	Điểm chữ	Ghi chú - Tính điểm trung bình và tích lũy
Đình chỉ thi	DC	Tính như điểm 0
Miễn thi (điểm thưởng)	M	Ghi chú tạm trong bảng điểm học kỳ, điểm miễn (hệ 10) do Khoa đề nghị khi hoàn tất thủ tục
Vắng thi không phép	V	Tính như điểm 0
Vắng thi có phép	X	Chưa tính tích lũy
Chưa nhận được điểm thi	I	Ghi chú tạm, chưa tính tích lũy
Miễn học (bảo lưu)	M	Tích lũy, ghi trong mục bảo lưu và không tính vào điểm trung bình chung học kỳ
Rút môn học	Z	Không tính điểm
Cấm thi	C	Tính như điểm 0

## Điều 19. Phúc tra và khiếu nại điểm

Điểm kiểm tra thường xuyên: sinh viên có ý kiến trực tiếp với giảng viên giảng dạy lớp học phần khi giảng viên chữa, trả bài và công bố điểm.

Điểm thi kết thúc học phần: nếu thấy chưa thỏa đáng, sinh viên có thể gửi đơn xin phúc tra đến Văn phòng khoa chậm nhất là 3 ngày sau ngày công bố điểm. Trưởng khoa



có trách nhiệm chỉ đạo các Trưởng bộ môn giải quyết và trả lời khiếu nại của sinh viên theo quy định của Nhà trường.

Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường, sinh viên có trách nhiệm gửi đơn yêu cầu Khoa kiểm tra lại các điểm tương ứng. Nếu thực sự có sai sót, Khoa có trách nhiệm phối hợp với Phòng Đào tạo báo cáo Ban giám hiệu để điều chỉnh điểm cho sinh viên.

## **Điều 20. Đánh giá kết quả học tập**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Khối lượng kiến thức đăng ký: tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký và được chấp nhận;
2. Điểm trung bình chung học kỳ: là trung bình cộng điểm số quy đổi theo thang điểm hệ 4 (Bảng 1) của các học phần mà sinh viên đã đăng ký và được chấp nhận trong học kỳ với trọng số là số tín chỉ của học phần (trừ các học phần học cải thiện điểm);
3. Khối lượng kiến thức tích lũy: khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá Đạt (Bảng 1) tính từ đầu khóa học;
4. Điểm trung bình chung tích lũy: là trung bình cộng điểm số quy đổi theo thang điểm hệ 4 của các học phần đã học và được đánh giá Đạt (Bảng 1) với trọng số là số tín chỉ của các học phần tương ứng tính từ đầu khoá học cho đến thời điểm xem xét. Nếu học phần học nhiều lần trong các học kỳ khác nhau, khi tính trung bình chung tích lũy sẽ lấy lần có điểm học phần Đạt cao nhất.

## **Điều 21. Tính điểm trung bình chung**

1. Khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, điểm học phần được quy đổi sang thang điểm hệ 4 như trong Bảng 1 của Điều 18.
2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức (\*) và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

$$A = \frac{\sum_{i=1}^N a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^N n_i} \quad (*)$$

Trong đó:

**A** là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$  là điểm học phần thứ  $i$ ,  $n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

**N** là số học phần tính điểm trung bình chung.

Điểm trung bình chung học kỳ dùng để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả điểm học phần ở lần học thứ nhất với số tín chỉ đăng ký  $\geq$  số tín chỉ chuẩn/1 học kỳ của CTĐT. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy dùng để xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học. Xếp hạng học lực, xếp hạng tốt nghiệp của sinh viên tính theo kết quả điểm học phần của lần học có điểm học phần cao



nhất.

3. Điểm học cải thiện nếu cao hơn chỉ được tính vào điểm trung bình chung tích lũy. Điểm học lại, học vượt được tính vào điểm trung bình chung của học kỳ chính đó và trung bình chung tích lũy.

## **Điều 22. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, Nhà trường xếp hạng năm đào tạo của sinh viên như sau:

- Sinh viên năm thứ nhất: Có khối lượng kiến thức tích lũy dưới 35 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ hai: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 35 tín chỉ đến dưới 70 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ ba: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 70 tín chỉ đến dưới 105 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ tư: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 105 tín chỉ đến dưới 140 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ năm: Có khối lượng kiến thức tích lũy từ 140 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
- b) Hạng yếu: Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00 nhưng chưa rơi vào trường hợp buộc thôi học.

## **Điều 23. Cảnh báo kết quả học tập, tạm dừng tiến độ và buộc thôi học**

1. Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;
- b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,10 tính đến học kỳ thứ nhất và 1,20 tính đến các học kỳ tiếp theo đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,30 tính đến học kỳ thứ nhất và 1,40 tính đến các học kỳ tiếp theo đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,50 tính đến học kỳ thứ nhất và 1,60 tính đến các học kỳ tiếp theo đối với sinh viên năm thứ ba; dưới 1,70 tính đến học kỳ thứ nhất và 1,80 tính đến các học kỳ tiếp theo đối với sinh viên năm thứ tư và thứ năm.

2. Cảnh báo kết quả học tập có 3 mức sau:

- + *Cảnh báo kết quả học tập mức 1*: Là mức cảnh báo đối với sinh viên lần đầu tiên phạm phải điều kiện cảnh báo học tập tại mục 1;
- + *Cảnh báo kết quả học tập mức 2*: Là mức cảnh báo đối với sinh viên phạm phải điều kiện cảnh báo học tập tại mục 1 và đã bị cảnh báo học tập mức 1 ở học kỳ trước liền kề.



+ Cảnh báo kết quả học tập mức 3: Là mức cảnh báo đối với sinh viên phạm phải điều kiện cảnh báo học tập tại mục 1 và đã bị cảnh báo học tập mức 2 ở học kỳ trước liền kề.

Sinh viên đã bị cảnh báo học tập ở mức 1 hoặc mức 2, nếu trong kết quả học tập ở học kỳ liền sau được cải thiện thì mức cảnh báo sẽ được hạ xuống một mức.

### 3. Xử lý cảnh báo kết quả học tập

- Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập mức 1:

+ Khoa chuyên môn thông báo kết quả về gia đình;

+ Sinh viên chỉ được đăng ký tối đa 15TC trong học kỳ kế tiếp, đồng thời việc đăng ký học phần phải được giáo viên chủ nhiệm cố vấn học tập và đồng ý;

- Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập mức 2:

+ Khoa chuyên môn thông tin, trao đổi trực tiếp với gia đình sinh viên để có các hình thức, biện pháp hỗ trợ.

+ Tạm dừng tiến độ học bình thường chuyển sang học kỳ thử thách ở học kỳ kế tiếp. Để vượt qua học kỳ thử thách, sinh viên phải đạt tối thiểu 9 TC với điểm TBC tích lũy của 9 TC từ 1,6 trở lên. Nếu sinh viên vượt qua học kỳ thử thách thì được xét kết quả học kỳ là bình thường; mức cảnh báo sẽ được hạ xuống một mức. Trường hợp sinh viên không vượt qua học kỳ thử thách, các điều kiện xét kết quả học kỳ theo điểm b khoản 1 của Điều này.

### 4. Xử lý buộc thôi học:

4.1. Sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Không đăng ký học tập, tự ý bỏ học không có lý do trong học kỳ.

b) Nhận cảnh báo học tập ở mức 3;

c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này;

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 của Quy chế này.

4.2. Sinh viên có quyết định thôi học hoặc buộc thôi học, chậm nhất sau 1 tháng Nhà trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Sinh viên có nguyện vọng sẽ được xem xét chuyển sang học chương trình giáo dục đại học vừa làm vừa học hoặc chương trình ở mức độ thấp hơn và được bảo lưu một phần kết quả học tập đã tích lũy. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

## Chương IV

### XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

#### Điều 24. Thực tập, làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp

1. Trong học kỳ cuối cùng của khoá học, sinh viên được đi thực tập tốt nghiệp, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp (gọi tắt là đồ án tốt nghiệp) hoặc học thêm một số học phần theo quy định sau:



a) Sinh viên tích lũy và học trong học kỳ sát học kỳ cuối cùng được 90% số tín chỉ quy định của chương trình (đã học các học phần chuyên ngành) và có điểm trung bình chung tích lũy  $\geq 1,8$  mới được đăng ký học phần thực tập tốt nghiệp.

b) Điều kiện đăng ký làm đồ án tốt nghiệp: Đã tích lũy được tất cả các học phần cơ sở và chuyên ngành.

2. Điều kiện, hình thức và thời gian làm đồ án tốt nghiệp

a) Sinh viên hoàn thành thực tập tốt nghiệp, được xem xét làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

b) Thời gian làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp là 8 tuần. Hình thức làm đồ án tốt nghiệp do Trường khoa quyết định.

c) Giảng viên hướng dẫn chịu trách nhiệm trong việc hướng dẫn sinh viên làm đồ án tốt nghiệp và báo cáo tiến trình cho Bộ môn 2 tuần một lần.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi sinh viên phải dành nhiều thời gian thí nghiệm hoặc khảo sát để hoàn thành đồ án tốt nghiệp, Khoa và Bộ môn có thể chủ động giao đồ án tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện làm đồ án tốt nghiệp.

## **Điều 25. Đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp**

1. Hình thức đánh giá đồ án tốt nghiệp: bảo vệ trước hội đồng đánh giá đồ án tốt nghiệp. Hội đồng đánh giá tốt nghiệp, danh sách giảng viên tham gia hội đồng do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Trường khoa.

2. Điểm bảo vệ đồ án tốt nghiệp là điểm trung bình chung của các thành viên Hội đồng.

3. Điểm đồ án tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 và được làm tròn đến một chữ số thập phân; có thể bao gồm cả điểm hướng dẫn và điểm chấm, hình thức do Trường khoa quyết định và được công bố công khai trong tài liệu hướng dẫn làm Đồ án tốt nghiệp của ngành, chuyên ngành. Điểm đồ án tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của cả khóa học.

4. Điểm bảo vệ của sinh viên không đạt, nhưng điểm tổng hợp (nếu có) Đạt (tham khảo Bảng 1) hoặc nếu được Hội đồng bảo vệ tốt nghiệp và giảng viên hướng dẫn đồng ý, sinh viên có thể được đăng ký bảo vệ lại đồ án tốt nghiệp lần 2, nếu bảo vệ vẫn không đạt thì phải đăng ký làm lại.

## **Điều 26. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

### **1. Điều kiện được xét tốt nghiệp**

Những sinh viên phải đủ các điều kiện sau đây mới được xét tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số tín chỉ của CTĐT.



c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Đạt chuẩn Ngoại ngữ: theo Quy định của Trường ĐHKTCN tại văn bản số 59/QĐ-ĐHKTCN ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên về việc Quy định chuẩn năng lực chuẩn ngoại ngữ của sinh viên Trường ĐHKTCN.

e) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định (nếu có);

g) Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất.

**2. Thời gian xét tốt nghiệp:** một năm nhà trường xét tốt nghiệp 2 lần sau mỗi học kỳ chính (vào khoảng tháng 2 và tháng 7 hàng năm), và đợt xét bổ sung do Hiệu trưởng quyết định.

### **3. Phương thức thực hiện**

a) Nhà trường thông báo kế hoạch xét tốt nghiệp.

b) Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp trong Khoản 1 của Điều này, nộp đơn xin xét tốt nghiệp theo mẫu (xem tại website <http://daotao.tnut.edu.vn>) về Khoa chuyên môn. Trong thời gian xét tốt nghiệp theo thông báo, Nhà trường sẽ thường xuyên cập nhật dữ liệu xét tốt nghiệp trên website để sinh viên theo dõi và kịp thời phản hồi.

c) Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện được quy định tại Khoản 1 của Điều này để xét tốt nghiệp cho sinh viên.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm thư ký, các thành viên là các Trưởng khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác - Học sinh sinh viên, Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

d) Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

e) Trong vòng một tuần, sau khi công nhận tốt nghiệp, Phòng Đào tạo cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và bảng điểm cho sinh viên. Chậm nhất là sau 30 ngày, Nhà trường sẽ cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên. Những sinh viên đã hoàn thành CTĐT nhưng chưa đến đợt xét tốt nghiệp có thể đề nghị xin cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình đại học.

## **Điều 27. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển loại hình đào tạo**

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo, hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

a) Loại xuất sắc: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 3,6 ÷ 4,00.

b) Loại giỏi: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 3,2 ÷ 3,59.

c) Loại khá: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 ÷ 3,19.

d) Loại trung bình khá: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,3 ÷ 2,49.

e) Loại trung bình: Đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 ÷ 2,29.



2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên (chỉ áp dụng đối với loại xuất sắc và giỏi, không áp dụng đối với loại khá, trung bình khá và trung bình) sẽ bị giảm đi một mức, nếu sinh viên bị rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có số tín chỉ của các học phần phải học lại và học cải thiện vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn CTĐT. Các học phần được thưởng điểm không coi là học phần học lại, học cải thiện khi xét hạng tốt nghiệp.

b) Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

3. Mỗi sinh viên tốt nghiệp được Trường cấp một bảng điểm ghi kết quả học tập từng học phần, có điểm đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Trong bảng điểm ghi rõ chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định ở Khoản 1 của Điều này đối với một số CTĐT tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau theo các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học, chỉ còn thiếu chứng chỉ giáo dục quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất thì trong thời hạn 5 năm sau đó, nếu bổ sung đủ các chứng chỉ còn thiếu và đủ điều kiện thì sẽ được xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên đã hết thời gian tối đa được phép học nhưng chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học thì trong thời hạn 3 năm sau đó, nếu bổ sung đủ chứng chỉ còn thiếu và đủ điều kiện thì sẽ được xét tốt nghiệp. Ngày cấp chứng chỉ ngoại ngữ phải cách thời điểm xét công nhận tốt nghiệp không quá 24 tháng.

7. Sinh viên không tốt nghiệp được Nhà trường cấp chứng nhận kết quả các học phần đã học. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại Khoản 4.2 Điều 23 của Quy chế này.

## **Chương V**

### **NGHỈ HỌC TẠM THỜI, THÔI HỌC, PHÂN NGÀNH, CHUYỂN KHÓA, CHUYỂN TRƯỜNG, HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH**

#### **Điều 28. Nghỉ học tạm thời và cho thôi học**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học một trong các trường hợp sau:

a) Được động viên vào các lực lượng vũ trang.

b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị trong thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên.

c) Vì nhu cầu cá nhân. Sinh viên phải học ở Trường ít nhất một học kỳ, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 23 của Quy chế này. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức được quy định trong Khoản 3, Điều 8 của Quy chế này.



Hội đồng Nhà trường gồm Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được uỷ quyền, Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên, Trưởng Khoa chuyên môn sẽ xem xét cho phép sinh viên được nghỉ học tạm thời.

2. Sinh viên được nghỉ học tạm thời, trước khi muốn trở lại tiếp tục học tập phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất 1 tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới và Nhà trường phải thành lập Hội đồng để xem xét.

3. Cho thôi học: căn cứ vào điều kiện riêng, sinh viên có thể làm đơn xin thôi học để Nhà trường xem xét và ra quyết định. Việc bồi hoàn kinh phí đào tạo do Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường quyết định.

### **Điều 29. Phân chuyên ngành và chuyển ngành đào tạo**

Các Khoa chuyên môn có trách nhiệm công bố công khai chỉ tiêu đào tạo và các tiêu chí, quy trình phân chuyên ngành tại Văn phòng Khoa và trên website ngay từ đầu khoá học. Sau 2 học kỳ hoặc sớm hơn, các Khoa căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên và kết quả học tập để phân chuyên ngành khi kết thúc các học phần chung của ngành, báo cáo Nhà trường để xem xét ra quyết định.

Việc chuyển ngành đào tạo trong Trường thực hiện theo quy định về chuyển trường tại Điều 31 của Quy chế này. Các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định dựa trên ý kiến tư vấn của Hội đồng công tác học sinh – sinh viên.

### **Điều 30. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp đồng thời hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính của chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính của chương trình thứ nhất;

b) Đã học kết thúc học kỳ đầu tiên năm học thứ nhất của chương trình thứ nhất;

c) Sinh viên phải xếp hạng học lực bình thường ở chương trình thứ nhất.

3. Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai, bị xếp hạng học lực yếu của chương trình thứ nhất, phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất tại Khoản 3, Điều 8 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất. Sinh viên làm đơn xin được bảo lưu; Khoa xác nhận; Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu đã có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

6. Chi tiết về học cùng một lúc hai chương trình và học văn bằng 2 được Quy định



cụ thể theo Quy chế riêng.

### **Điều 31. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có đủ các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại Khoản 2 của Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung nhưng không trúng tuyển vào Trường hoặc có kết quả thi vào Trường thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến.

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển sinh quy định của trường xin chuyển đến.

c) Sinh viên năm thứ nhất hoặc năm cuối khoá.

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển đến phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo mẫu qui định thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Hiệu trưởng Trường ĐHKTCN có quyền quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận. Việc công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung dựa trên cơ sở so sánh CTĐT của trường sinh viên xin chuyển đi và CTĐT tương ứng của Trường ĐHKTCN được Khoa xác nhận và đề nghị, Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định.

4. Sinh viên hệ chính quy được phép làm đơn chuyển sang học một hệ không chính quy của Trường nếu có nguyện vọng, kể cả trong trường hợp có quyết định buộc thôi học do kết quả học tập yếu kém. Kết quả học tập của các học phần đã tích lũy của sinh viên được xem xét để bảo lưu và chuyển điểm theo các học phần trong chương trình mới.

## **Chương VI**

### **XỬ LÝ VI PHẠM & ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 32. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên, cán bộ vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với học



phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 1 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, tùy mức độ sai phạm mà khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên và cán bộ coi thi vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

### **Điều 33. Phạm vi áp dụng và điều khoản thi hành**

Quy chế này được áp dụng cho tất cả các khoá đào tạo Đại học hệ chính quy theo Hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên kể từ học kỳ I năm học 2018-2019, thay thế cho các Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường đã ban hành trước đây. Các Khoa chuyên môn có trách nhiệm phổ biến và làm rõ các nội dung của Quy chế này đến từng cán bộ, giảng viên và sinh viên của Khoa. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy chế do Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG 



PGS.TS. Nguyễn Duy Cường